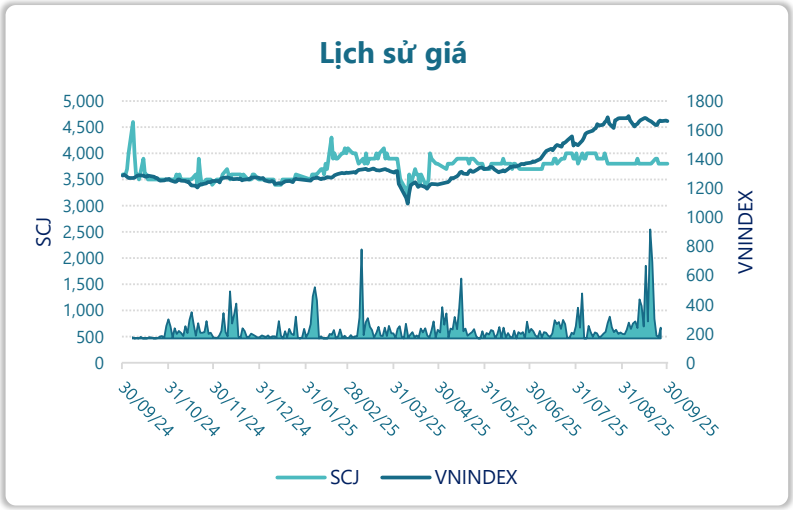
FireAnt

CTCP Xi măng Sài Sơn (UPCOM: SCJ)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,200
SL cổ phiếu LH	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,260
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
P/E	16.4
EPS	232

DT thuần

Q3/25

275

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -2.9%

YoY: ▼38.0| -12.2%

LN sau thuế

Q3/25

6.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.81| 14.9%

YoY: ▲ 1.06| 20.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.3%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

9T 2025

811

tỷ VNĐ

YoY: ▼92.0| -10.1%

LN sau thuế

9T 2025

8.49

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.74| 9.7%

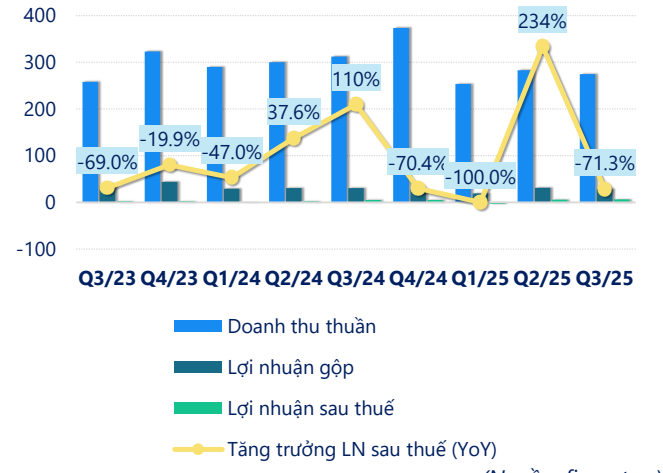
ROE

Q3/25

1.9%

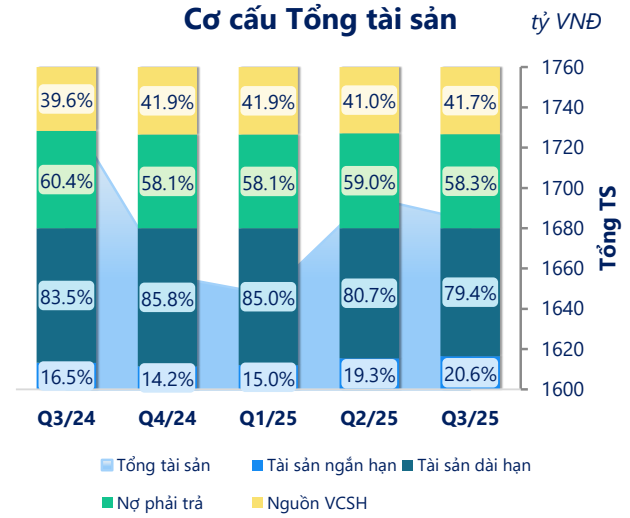
+/- YoY: ▲ 0.4%

Kết quả kinh doanh



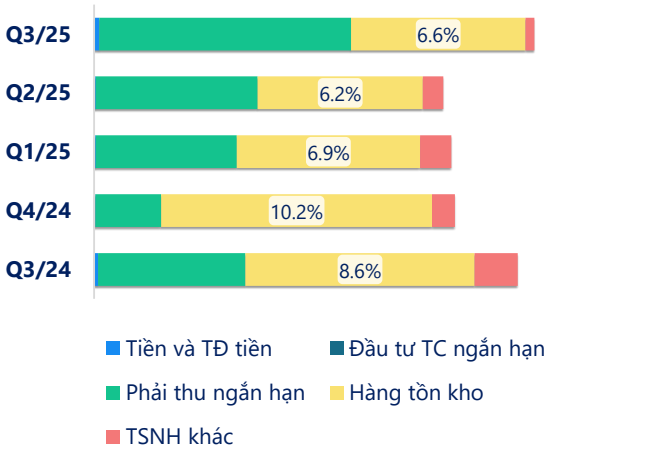
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



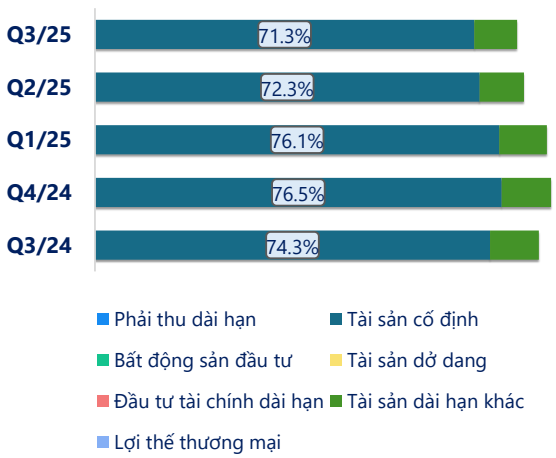
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



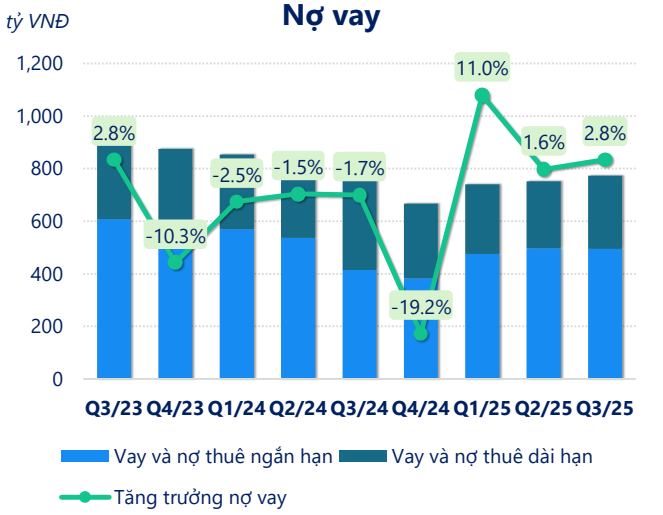
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



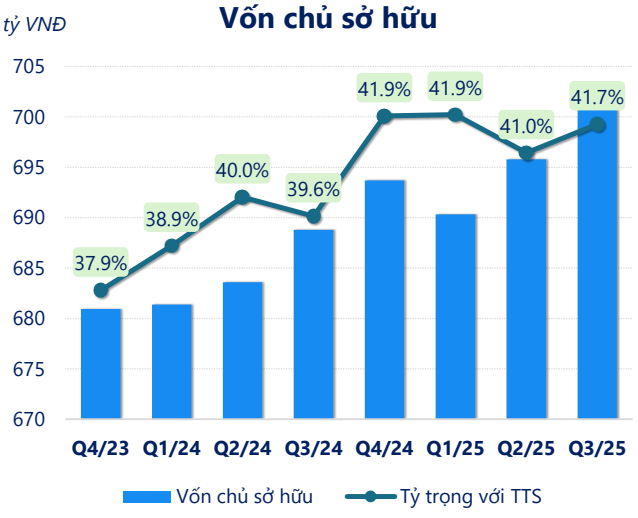
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



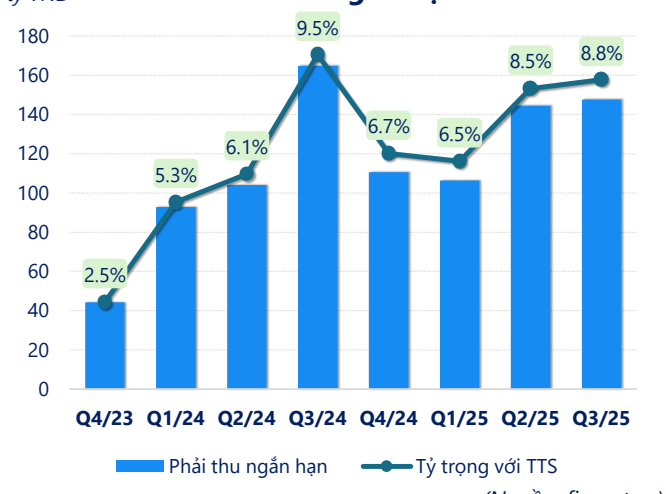
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



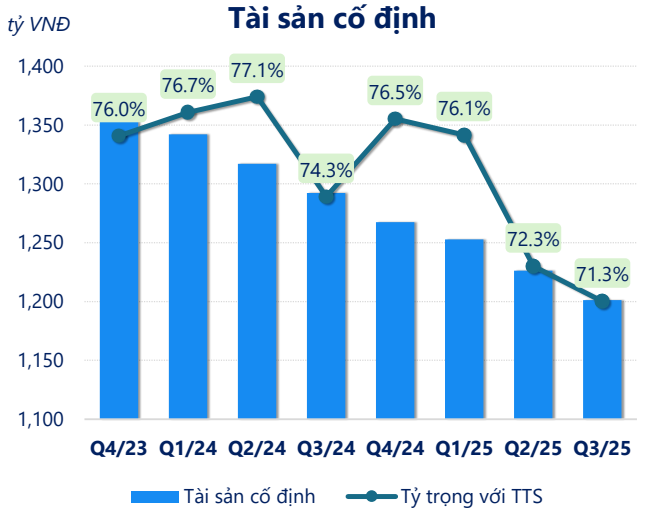
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



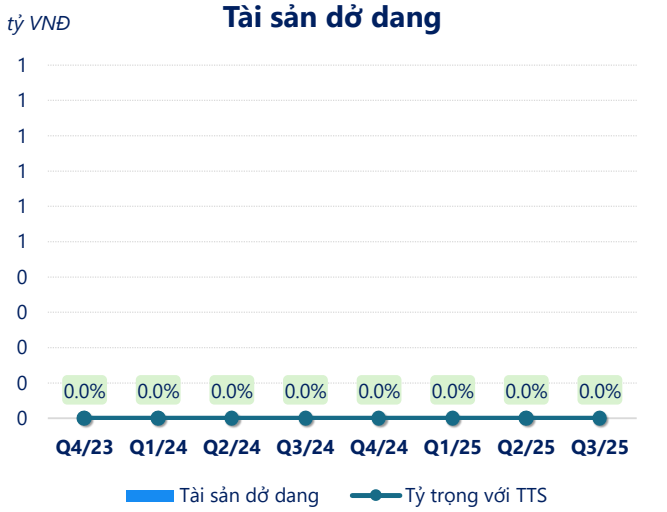
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



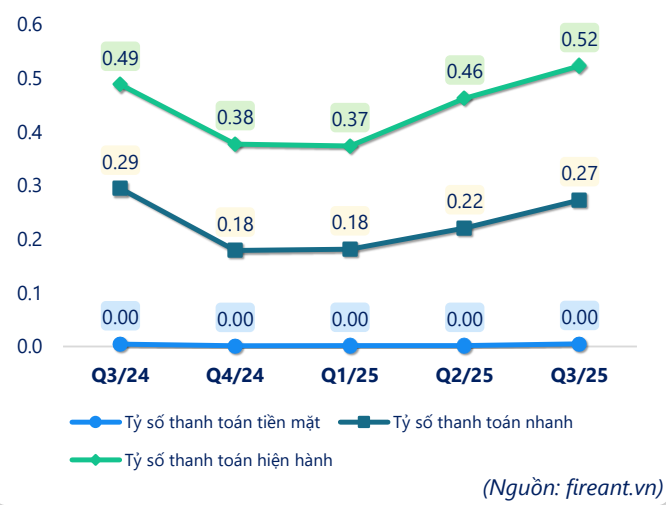
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



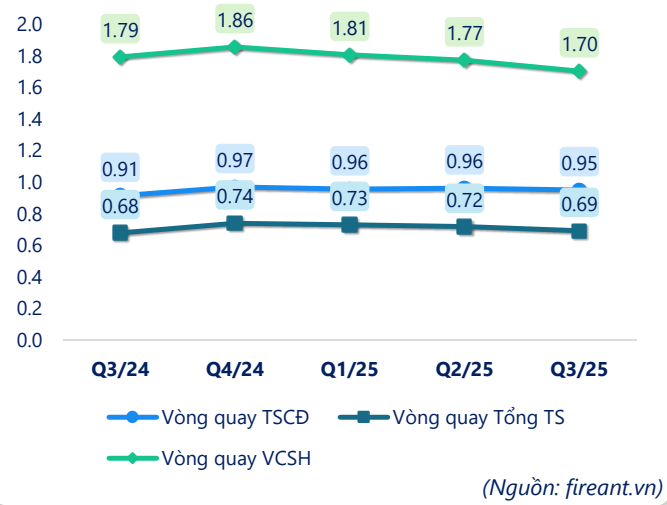
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,739**	**1,657**	**1,647**	**1,695**	**1,684**
Tài sản ngắn hạn	**287**	**236**	**247**	**328**	**347**
Tiền và tương đương tiền	2.57	0.85	1.02	1.04	3.30
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	2.00	2.00	28.0
Phải thu ngắn hạn	165	111	106	144	148
Hàng tồn kho	114	124	127	171	166
Tài sản ngắn hạn khác	6.00	0.39	10.5	8.92	2.47
Tài sản dài hạn	**1,452**	**1,421**	**1,400**	**1,368**	**1,337**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,292	1,267	1,253	1,226	1,201
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	160	154	148	141	135
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,050**	**963**	**957**	**1,000**	**982**
Nợ ngắn hạn	**589**	**625**	**661**	**709**	**664**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	383	476	497	495
Phải trả người bán ngắn hạn	145	218	157	177	143
Nợ dài hạn	461	338	296	291	317
Vay và nợ thuê dài hạn	412	284	264	255	278
Nguồn vốn chủ sở hữu	**689**	**694**	**690**	**696**	**702**
Vốn chủ sở hữu	**689**	**694**	**690**	**696**	**702**
Vốn điều lệ	578	578	578	578	578
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)